

Số: 38 /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định quy chế cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 629/BC-BVHXH ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

a) Phân loại vùng để áp dụng mức học phí, mức hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



b) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026;

c) Mức hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non, học sinh và học viên (sau đây gọi chung là người học) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định); cơ sở giáo dục dân lập và tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quy định phân loại vùng, mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, mức hỗ trợ học phí cho người học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

1. Phân loại vùng để áp dụng mức học phí, mức hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Gồm 03 vùng (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên:

a) Đối với hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: đồng/người học/tháng

Vùng	Mức học phí			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)	Trung học phổ thông (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)
Vùng 1	120.000	75.000	75.000	120.000
Vùng 2	90.000	65.000	65.000	110.000
Vùng 3	60.000	60.000	60.000	100.000

b) Đối với hình thức học trực tuyến: Bằng 70% mức học phí học trực tiếp.

3. Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên bằng 02 lần mức học phí tại khoản 2 Điều này.

4. Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư bằng 2,5 lần mức học phí tại khoản 2 Điều này.

5. Mức hỗ trợ học phí cho người học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực:

a) Đối với hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: đồng/người học/tháng

Vùng	Mức hỗ trợ học phí			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)	Trung học phổ thông (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)
Vùng 1	120.000	120.000	120.000	120.000
Vùng 2	90.000	90.000	90.000	110.000
Vùng 3	75.000	75.000	75.000	100.000

b) Đối với hình thức học trực tuyến: Bằng 70% mức hỗ trợ học phí học trực tiếp.

c) Trong trường hợp mức học phí tại các trường dân lập, tư thực thấp hơn mức hỗ trợ học phí tại Nghị quyết này thì mức hỗ trợ bằng mức học phí tại các trường dân lập, tư thực.

6. Mức học phí, mức hỗ trợ học phí tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở; là căn cứ để ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh.

7. Từ năm học 2026 - 2027 đến năm học 2035 - 2036, hằng năm mức học phí và mức hỗ trợ học phí được điều chỉnh tăng 5%/năm. Mức học phí và mức hỗ trợ học phí được làm tròn số đến đơn vị 1.000 đồng (đơn vị hàng trăm từ 5 trở lên thì làm tròn lên, đơn vị hàng trăm nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống).

8. Thời gian tính mức học phí, mức hỗ trợ học phí theo số tháng thực học nhưng tối đa không quá 9 tháng/năm học.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2025

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2023 - 2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận: Ruor

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TAND, VKSND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



Phụ lục

PHÂN LOẠI VÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Danh sách vùng 1, gồm 23 phường: Trấn Biên, Biên Hòa, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Tân Triều, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Bình Phước, Đồng Xoài, Phước Bình, Phước Long, Chơn Thành, Minh Hưng, Bình Long, An Lộc.

2. Danh sách vùng 2, gồm 16 xã: Đồng Phú, Bù Đăng, Phú Riềng, Phú Nghĩa, Tân Khai, Lộc Ninh, Thiện Hưng, Cẩm Mỹ, Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch, Dầu Giây, Trảng Bom, Trị An, Xuân Lộc, Tân Phú.

3. Danh sách vùng 3, gồm 56 xã: Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Thọ Sơn, ĐăK Nhau, Bom Bo, Đa Kia, Bình Tân, Long Hà, Phú Trung, Nha Bích, Tân Quan, Tân Hưng, Minh Đức, Lộc Thành, Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Lộc Quang, Tân Tiến, Hưng Phước, Bù Gia Mập, ĐăK Ô, Đại Phước, Xuân Quế, Xuân Đường, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, La Ngà, Thanh Sơn, Phú Vinh, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Gia Kiệm, Thống Nhất, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, ĐăK Lua, Phú Lý, Tân An./.
